TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2024/DS-PT
Ngày: 10-01-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán và đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Ngọc Hà và ông Ngô Chịu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** Bà Ninh Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2023/DS-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán và đòi lại tài sản".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 264/2023/QĐ-PT ngày 15/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Phạm Văn A, sinh năm: 1980, bà Phan Thị Ngọc Y, sinh năm: 1986; địa chỉ: thôn Tân Hội, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Ông A ủy quyền cho bà Y. Ông A, bà Y đều có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm: 1973; địa chỉ: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2.2 Bà Võ Thị Quý S, sinh năm: 1974; ĐKTT: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Nơi ở hiện nay: thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1966; địa chỉ: thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4.2 Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt;

4.3 Văn phòng công chứng Nguyễn T; địa chỉ: đường H, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Văn A và bà Phan Thị Ngọc Y trình bày:

Do không có tiền trả nợ nên bị đơn ông Q, bà S thỏa thuận bán xe ô tô tải biển số 78C - nnnnn vào ngày 25/3/2021 cho vợ chồng chúng tôi để trả nợ Ngân hàng, bằng cách: Giá thỏa thuận bán là: 480.000.000 đồng; chúng tôi vay Ngân hàng 300.000.000 đồng cộng tiền mặt có 180.000.000 đồng, tổng cộng là 480.000.000 đồng và bị đơn ông Q, bà S đưa thêm 20.000.000 đồng. Tổng cộng: 500.000.000 đồng để bị đơn trả nợ, tất toán khoản vay 500.000.000 đồng cho Ngân hàng nói trên và được Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nnnnn cho ông Q, bà S. Để thực hiện hợp đồng mua bán xe trên vào ngày 05/4/2021 các bên làm hợp đồng mua bán xe và cùng đem cà vẹt xe ô tô tải do Ngân hàng vừa trả lại nói trên đi công chứng và được Phòng công chứng Nguyễn T công chứng hợp đồng số: 01526 nhưng không sang tên được do cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện S có công văn 53/CV - CCTHADS ngày 12/4/2021 gửi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Yên dừng việc sang tên. Nay vợ chồng chúng tôi yêu cầu Tòa án hủy công văn 53/CV - CCTHADS ngày 12/4/2021 để các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe ô tô tải biển số 78C - nnnnn và thực hiện việc sang tên cho vợ chồng chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi không yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Q trình bày:

Do không có tiền trả nợ Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng nên tôi và bà S thống nhất bán chiếc xe ô tải biển số 78C - nnnnn đã thế chấp cà vẹt xe tại Ngân hàng cho vợ chồng ông A, bà Y với số tiền 480.000.000 đồng cộng thêm tiền của tôi 20.000.000 đồng, tổng cộng 500.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi Ngân hàng trả lại cà vẹt xe ô tô tải biển số 78C - nnnnn thì vào ngày 05/4/2021 các bên làm hợp đồng mua bán xe và cùng đem cà vẹt xe ô tô tải do Ngân hàng vừa trả lại nói trên đi công chứng và được Phòng công chứng Nguyễn T công chứng hợp đồng số: 01526 nhưng không sang tên được do cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện S có công văn 53/CV - CCTHADS ngày 12/4/2021 gửi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Yên dừng việc sang tên. Nay tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy công văn 53/CV - CCTHADS ngày 12/4/2021 để các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe ô tô tải biển số 78C - nnnnn và thực hiện việc sang tên cho vợ chồng ông A bà Y theo quy định.

Bà Võ Thị Quý S trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến trình bày của ông Q là yêu cầu Tòa án hủy công văn 53/CV - CCTHADS ngày 12/4/2021 để các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe ô tô tải biển số 78C - nnnnn và thực hiện việc sang tên cho vợ chồng ông A bà Y theo quy định. Đối với số tiền 300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 02/5/2018 mà bà C cung cấp, tôi xác nhận đúng chữ ký của tôi và tôi có vay số tiền này, việc vay số tiền này không có thế chấp gì nhưng bà C đã dồn lại các khoản nợ vay và đã được TAND huyện S xét xử bằng bản án số 22/2019/DSST ngày 31/10/2019 có hiệu lực pháp luật với tổng số tiền gốc, lãi là 1.916.451.000 đồng buộc tôi phải trả cho bà C nên tôi không có nghĩa vụ phải trả tiếp 300.000.000 đồng này cho bà C nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Đại diện Thi hành án dân sự huyện S trình bày:

Theo bản án số 22/2019 DSST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện S thì bà Võ Thị Quý S có trách nhiệm trả khoản nợ vay cho bà Nguyễn Thị C tại thôn M, xã C số tiền 1.916.452.000 đồng. Quá trình giải quyết bà S đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, cơ quan đã xác minh tài sản hiện có 01 nhà ở, và xe ô tô Kiểm soát 78C-nnnnn đã thế chấp cho Ngân hàng NN & PTNTVN chi nhánh huyện S để vay số tiền 1,5 tỷ do vậy Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện S đã xác minh chuyển án bà S sang chưa có điều kiện thi hành. Ngày 06/4/2021 bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu gửi Chi cục thi hành án đề nghị cơ quan có văn bản ngăn chặn việc sang tên đổi chủ giữa bà S và ông Phạm Văn A người mua chiếc xe tải ghi trên Chi cục thi hành án có công văn số 53/THA ngày 12/4/2021 gửi phòng CSGT Công an tỉnh Phú Yên. Dừng việc sang tên đổi chủ với chiếc xe ô tô biển số 78C-nnnnn, đồng thời mời các bên đến tại Chi cục Thi hành án để giải quyết, thương lượng việc mua bán chiếc xe ô tô trên. Qua giải quyết các bên không thương lượng được bà C tiếp tục có đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên bán tài sản là xe ô tô tải biển số 78C-nnnnn để thi hành án trả nợ cho bà. Quan điểm của cơ quan Thi hành án việc bà C yêu cầu can thiệp việc sang chuyển nhượng là có cơ sở vì tài sản chiếc xe thế chấp Ngân hàng là tài sản đứng tên bà S, bà S đã trả tiền để lấy tài sản thế chấp ra để bán là không đúng, vì tài sản đó là của bà S trong khi đó bà S là người phải thi hành án. Do vậy cơ quan Thi hành án Dân sự huyện S có thể kê biên xử lý tài sản chiếc ô tô này để thi hành án. Việc phát văn bản ngăn chặn là đúng quy định, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho đương sự.

+ Văn phòng Công chứng Nguyễn T có văn bản gửi Tòa án với nội dung như sau:

Văn phòng công chứng Nguyễn T, tỉnh Phú Yên có tiếp nhận hợp đồng mua bán xe ô tô giữa ông Huỳnh Văn Q bà Võ Thị Quý S có bán xe ô tô tải 78C - nnnnn giấy đăng ký xe 004271 đứng tên bà Võ Thị Quý S cho ông Phạm Văn A, hợp đồng hai bên lập ngày 05/4/2021. Theo hợp đồng mua bán xe ô tô số: 01526 quyển số 02/2021 TP/CC - SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn T, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 05/4/2021, tại hồ sơ bà Võ Thị Quý S

và ông Huỳnh Văn Q là chủ sở hữu xe ô tô biển số 78C - 052.92 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004271 do Phòng cảnh sát giao thông, công an tỉnh Phú Yên cấp ngày 23/11/2015. Bà Võ Thị Quý S và ông Huỳnh Văn Q đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Căn cứ Điều 40 Luật công chứng năm 2014, Điều 19, Điều 20 BLDS năm 2015 và Điều 33 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 VPCC Nguyễn T, tỉnh Phú Yên đã công chứng hợp đồng số: 01526 ngày 05/4/2021 theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện S trình bày:

Vợ chồng ông Huỳnh Văn Q bà Võ Thị Quý S; trú tại thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên có vay vốn tại Ngân hàng; Ngân hàng làm hồ sơ và thẩm định tài sản ông Q, bà S đủ điều kiện vay thì Ngân hàng mới duyệt hồ sơ cho vay; trong hồ sơ vay vốn ông Q bà S có thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải số 004271 cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 24/01/HĐTC/QS ký ngày 24/04/2017; thời điểm này ông Q bà S vẫn là vợ chồng; Hợp đồng thế chấp tài sản số 24/01/HĐTC/QS được đảm bảo hợp đồng tín dụng mà ông Q bà S ký kết vay vốn tại Ngân hàng. Từ năm 2015 đến khi trả hết nợ Ngân hàng vào tháng 4/2020, ông Q bà S ký kết vay nhiều hợp đồng tín dụng trong đó có thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 004271.

Khoảng tháng 3/2021, vợ chồng ông Phạm Văn A bà Phan Thị Ngọc Y có vay Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng là đúng.

Đối với việc ông Q bà S và vợ chồng ông A bà Y có đến tại Văn phòng công chứng Nguyễn T để công chứng việc mua bán xe ô tô tải biển số 78C – nnnnn này hay không thì Ngân hàng không biết.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà Võ Thị Qúy S có vay tiền của tôi nhiều lần và được TAND huyện S xét xử bằng bản án vào năm 2019 buộc bà S phải trả cho tôi là 1.916.452.000 đồng tiền gốc và lãi nhưng đến nay chưa trả cho tôi. Ngoài ra, bà S còn vay tôi 300.000.000 đồng theo giấy vay ngày 02/5/2018 và có thế cà vẹt xe ô tô tải biển số 78C – nnnnn cho tôi. Nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Qúy S phải trả lại cà vẹt xe và xe ô tô tải biển số 78C – nnnnn cho tôi vì xe này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tôi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26; Điều 34; Điều 35; khoản 1 Điều 147; 175; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 161, 117, 118, 430 và Điều 688 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn A, bà Phan Thị Ngọc Y.

2. Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 78C-052.92 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn T đề ngày 05/4/2021 có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn ông Phạm Văn A, bà Phan Thị Ngọc Y và bị đơn ông Huỳnh Văn Q, bà Võ Thị Qúy S được quyền tiến hành làm thủ tục sang tên trước bạ theo hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 78C- nnnnn theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Võ Thị Qúy S trả lại giấy chứng nhận xe và xe ô tô biển số 78C- nnnnn cho bà C sở hữu vì không có căn cứ. Bà C được quyền khởi kiện bà Võ Thị Qúy S thành một vụ án dân sự khác đối với số tiền nợ 300.000.000đ theo giấy mượn tiền đề ngày 02/5/2018 mà bà C cung cấp theo quy định của pháp luật.

4. Hủy công văn số 53/CV-CCTHA ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên vì trái pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quy định thi hành án và thời hạn kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/6/2023, bà Nguyễn Thị C kháng cáo Bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm buộc bà Võ Thị Qúy S trả lại Giấy chứng nhận đăng ký và chiếc xe ô tô tải 78C - nnnnn cho bà C sở hữu vì bà S bán xe ô tô tải cho nguyên đơn là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với bà C và Giấy chứng nhận đăng ký và chiếc xe ô tô tải này bà S đã thế chấp cho bà C .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định. Về nội dung vụ án: đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị C kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên là kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung và kháng cáo của bà Nguyễn Thị C:

[2.1] Theo hợp đồng thế chấp số: 24/01/HĐTC/QS ký ngày 24/04/2017, ông Q, bà S có thế chấp xe ô tô tải biển số: 78C- nnnnn cho Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện S, tỉnh Phú Yên (gọi tắt là Ngân hàng) để bảo đảm cho khoản vay 500.000.000 đồng. Đến hạn không có tiền trả nợ nên ông Q, bà S thỏa thuận bán xe ô tô tải cho ông A bà Y để trả nợ Ngân hàng. Giá thỏa thuận mua bán giữa 2 bên là: 480.000.000 đồng; ông Q, bà S đưa thêm 20.000.000 đồng để trả khoản nợ 500.000.000 đồng cho Ngân hàng và được Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải 78C-nnnnn cho ông Q bà S để thực hiện hợp đồng mua bán xe. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện hợp đồng mua bán xe nói trên và được Phòng công chứng Nguyễn T công chứng hợp đồng số: 01526 ngày 05/4/2021 đúng theo pháp luật. Tại thời điểm hai bên xác nhận giao dịch bằng hợp đồng mua bán được công chứng hợp pháp, chiếc xe này không phải là tài sản bảo đảm khoản vay của bất kỳ các tổ chức cá nhân nào, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua đã trả tiền cho bên bán để xác lập của sở hữu của mình đối với chiếc xe ô tô tải biển số: 78C- nnnnn, theo đúng quy định tại các Điều 117; 161 và 430 Bộ Luật Dân sự năm 2015. Việc ông Q, bà S chủ động bán tài sản thế chấp (có đăng ký giao dịch bảo đảm) để trả nợ cho Ngân hàng là hành vi tích cực trong việc xử lý nợ, tránh kéo dài gây nợ xấu và lãi quá hạn, không có dấu hiệu tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với bà Nguyễn Thị C vì số tiền bán được xe ít hơn số tiền mà bà S, ông Q đã trả nợ cho Ngân hàng nên án sơ thẩm đã công nhận hợp đồng mua bán xe ô tô giữa các bên có hiệu lực là có căn cứ, phù hợp với các Điều luật đã viện dẫn trên đây.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo của bà C cho rằng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số: 78C- nnnnn bà S đã thế chấp cho bà C, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm bà C đã không xuất trình tài liệu chứng cứ để chứng minh vấn đề này nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét, có hiệu lực thi hành.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S.

Căn cứ các Điều 26; Điều 34; Điều 35; khoản 1 Điều 147; 175; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 161, 117, 118, 430 và Điều 688 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn A, bà Phan Thị Ngọc Y.

[2] Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 78C-052.92 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn T đề ngày 05/4/2021 có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn ông Phạm Văn A, bà Phan Thị Ngọc Y và bị đơn ông Huỳnh Văn Q, bà Võ Thị Qúy S được quyền tiến hành làm thủ tục sang tên trước bạ theo Hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 78C- nnnnn theo quy định của pháp luật.

[3] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Võ Thị Qúy S trả lại Giấy chứng nhận xe và xe ô tô biển số 78C- nnnnn cho bà C sở hữu vì không có căn cứ. Bà C được quyền khởi kiện bà Võ Thị Qúy S thành một vụ án dân sự khác đối với số tiền nợ 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 02/5/2018 mà bà C cung cấp theo quy định của pháp luật.

[4] Hủy Công văn số 53/CV-CCTHA ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên vì trái pháp luật.

[5] Về án phí:

[5.1] Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn Q và bà Võ Thị Quý S chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5.3] Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng mà bà C đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0002865 ngày 13/9/2022 và Biên lai số 0008918 ngày 07/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, đã nộp đủ.

[5.4] Hoàn trả lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn vợ chồng ông Phạm Văn A, bà Phan Thị Ngọc Y đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0002720 ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND H. Sơn Hòa (2);
- CC THADS H. Sơn Hòa ;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Lâm